

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Dũng;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Khố , thị trấn E, huyện Ea , tỉnh Đắk Lắk. Chị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phỉ Q, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn Đ , xã N , huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Q vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 18-3-2024, Bản tự khai ngày 14-6-2024, Biên bản làm việc ngày 14-5-2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

Chị (Lê Thị N) và anh Nguyễn Phỉ Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 121, ngày 04/8/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống, làm ăn với nhau tại thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N, nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng trái ngược nhau, anh Q có suy nghĩ lệch lạc, ghen tuông vô cớ, chỉ biết ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến con, không tôn trọng chị và thường xuyên chửi bới xúc phạm chị nhiều lần. Chính vì sự ghen tuông vô cớ và cách suy nghĩ lệch lạc của anh Q như

vậy, nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra; mặc dù đã được hai bên gia đình và người thân động viên, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện, mà ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 7 năm 2017, anh Q đã bỏ chị và 02 con trở về quê sống cùng với cha, mẹ đẻ của anh Q tại địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và không trở lại để thăm chị và 02 con; chị và anh Q sống ly thân, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau kể từ thời điểm đó cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Q không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị ổn định cuộc sống và thuận lợi hơn trong việc giải quyết, xác lập các quan hệ dân sự liên quan đến cá nhân chị. Khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phi Lê K, sinh ngày 14/6/2008 và Nguyễn Phi C, sinh ngày 19/7/2011; từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hai cháu K và C đều do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19/3/2024, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: *“khi ly hôn, giao 02 con chung (cháu K và cháu C) cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục..., yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi”*. Tuy nhiên, nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: khi ly hôn, chị yêu cầu giao 02 con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục..., chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và có căn cứ để Tòa án giao cả 02 con hoặc một trong hai con (cháu K, cháu C) cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời kính mong Tòa án xem xét nguyện vọng của chị và của 02 con, vì từ khi chị và anh Q sống ly thân đến nay, 02 con đều do một mình chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục... Hiện nay, hai cháu K và C phát triển bình thường, học tập tốt, có môi trường sống lành mạnh, đảm bảo các điều kiện cơ bản để phát triển về mặt thể chất cũng như tâm, sinh lý. Ngược lại, anh Q thiếu trách nhiệm đối với con, không quan tâm, thăm hỏi, động viên con trong quá trình học tập, không phụ cấp gì về vật chất để chị nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại biên bản làm việc ngày 10/5/2024 giữa Tòa án với anh Q, anh Q trình bày và có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất và 200 cây tiêu. Vấn đề này, chị không thống nhất, vì:

+ Thứ nhất: Thửa đất mà anh Q cho rằng là tài sản chung hiện nay là thửa đất mang số hiệu số 288, tờ bản đồ số 20, diện tích 138m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở 40,0m², đất trồng cây lâu năm 98,0m²; địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 03, thị trấn Ea Drăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là thửa 288). Thửa đất này do cha, mẹ chị cho riêng chị vào năm 2009, chứ không phải cho chung vợ, chồng (chị và anh Q) như anh Q trình bày, mặc dù tại thời điểm năm 2009 vợ chồng đã kết hôn. Sau khi được cha, mẹ chị tặng cho riêng chị thì chị đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hình thức cha, mẹ tặng cho riêng con) theo đúng quy định của pháp luật và đến năm 2014 mới được UBND huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng cá nhân chị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BQ 50921, số vào sổ cấp GCN:CH02354 ngày 20/01/2014. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị cũng không đưa thửa đất 288 nhập vào khối tài sản chung của vợ, chồng và giữa chị với anh Q

cũng không có thỏa thuận nào khác lên quan đến thửa đất 288. Do đó, chị xác định thửa đất 288 nêu trên là tài sản riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Riêng đối với 01 ngôi nhà do vợ chồng làm ăn, tích góp xây dựng vào năm 2010 (xây dựng sau khi được cha, mẹ chị N cho đất) nằm trên thửa đất 288 nêu trên là đúng sự thật. Nói là ngôi nhà là theo cách nghĩ của vợ chồng, nhưng trên thực tế chỉ là tạm bợ, có chỗ để vợ, chồng và các con ở trong những ngày đầu ra ở riêng, kinh tế còn khó khăn. Tại thời điểm xây dựng vào tháng 7 năm 2010, tổng cộng chi phí hết khoảng 30 triệu đồng, đến nay thời gian đã lâu (trên 13 năm) đã xuống cấp và hư hỏng nhiều, anh Q đã bỏ về quê, chỉ còn lại 03 mẹ con sinh sống nên không có điều kiện để sửa chữa. Chị xác định ngôi nhà nêu trên hiện nay không còn giá trị.

+ Thứ hai: Chị và anh Q còn có tài sản chung là 200 cây tiêu đã trồng được hơn 10 năm trên đất của cha, mẹ chị cho mượn như anh Q trình bày tại biên bản làm việc giữa Tòa với anh Q vào ngày 10/5/2024 là đúng. Hiện tại đất trồng tiêu là do cha, mẹ chị cho mượn để trồng, còn 200 cây tiêu thì phần lớn đã chết, số cây còn lại thì khô héo và không còn giá trị, vì từ khi anh Q và chị sống ly thân đến nay không ai trông nom, chăm sóc. Chị không xác định được số cây còn lại (đã khô héo) là bao nhiêu, nhưng theo chị là không còn giá trị.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị N không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* *Tại Biên bản làm việc và Đơn phản tố đề ngày 10-5-2024, Đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2024 bị đơn anh Nguyễn Phỉ Q trình bày:*

Anh (Nguyễn Phỉ Q) thống nhất như lời trình bày của chị N về quá trình tìm hiểu, yêu thương, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân của vợ chồng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không hoàn toàn giống như chị N trình bày, theo anh: Nguyên nhân chính do chị N không chung thủy trong đời sống vợ chồng, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị N không còn, chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phỉ Lê K, sinh ngày 14/6/2008 và Nguyễn Phỉ C, sinh ngày 19/7/2011; hiện nay 02 cháu K, C đang sống cùng với chị N (từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay). Khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Phỉ C cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Phỉ Lê K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh và chị N không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Theo đơn khởi kiện của chị N, chị N yêu cầu khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Vấn đề này, anh không đồng ý với yêu cầu của chị N. Trường hợp anh và chị N không thỏa thuận được việc nuôi con sau khi ly hôn thì đề nghị Tòa xem xét theo nguyện vọng của các con. Trường hợp 02 con có nguyện vọng ở với chị N sau khi ly hôn và có căn cứ để Tòa án giao 02 con cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng cho mỗi cháu trên một tháng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị N có tài sản chung gồm:

+ Thứ nhất: 01 thửa đất có nguồn gốc cha, mẹ chị Nga cho vợ chồng (anh Q, chị N) vào năm 2010, nhưng do một mình chị N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc cho thì chỉ nói miệng chứ không lập thành văn bản gì và 01 ngôi nhà cấp IV do vợ chồng làm ăn, tích góp xây dựng vào năm 2010 nằm trên thửa đất do cha, mẹ chị N cho nêu trên; tại thời điểm xây dựng ngôi nhà chi phí hết 45.000.000 đồng. Từ khi được cho đất đến nay, anh không giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết thửa đất được cha, mẹ chị N cho là thửa đất nào, tờ bản đồ số bao nhiêu, diện tích cụ thể là bao nhiêu m²; chỉ biết nhà và đất hiện nay tọa lạc tại tổ dân phố 03, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk; có tổng giá trị tại thời điểm hiện nay là 650.000.000 đồng, trong đó giá trị nhà là 300.000.000, giá trị quyền sử dụng đất là 350.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi giá trị ngôi nhà và yêu cầu được chia 30% giá trị thửa đất, tổng cộng anh yêu cầu được chia là 255.000.000 đồng.

+ Thứ hai: Ngoài tài sản chung nêu ở trên ra thì anh và chị N còn có tài sản chung là 200 cây tiêu đã cho thu hoạch (*cây tiêu đã trồng được trên 10 năm*). Anh xác định giá trị của 200 cây tiêu là 64.000.000 đồng và yêu cầu chia cho anh 64.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh yêu cầu được phân chia là 319.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh Nguyễn Phỉ Q không trình bày và có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Phỉ Q.

+ Về con chung: Khi ly hôn, giao 02 con chung tên là Nguyễn Phỉ Lê K, sinh ngày 14/6/2008 và Nguyễn Phỉ C, sinh ngày 19/7/2011 (hiện nay đang sống cùng với chị N) cho chị Lê Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q.

+ Về tài sản chung: Chị N xác định tài sản chung không còn giá trị, không có yêu cầu chia tài sản chung. Anh Q có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nên không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh Q, chị N đều trình bày không có. Do đó, không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Phi Q và giải quyết vấn đề con chung; đồng thời trình bày có tài sản chung nhưng tài sản chung không còn giá trị, nên không yêu giải quyết; về nợ chung: không có. Bị đơn anh Nguyễn Phi Q hiện đang cư trú tại: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Phi Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt (không có lý do). Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (nguyên đơn và bị đơn).

[2.]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Phi Q có tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Ea Drăng, huyện EaH’leo, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, ngày 04/8/2008. Vì vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị N với anh Q là hợp pháp.

Mặc dù, anh Q và chị N đều trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có khác nhau. Tuy nhiên, cả hai đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án anh Q đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phi Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Cháu Nguyễn Phi Lê K, sinh ngày 14/6/2008 và cháu Nguyễn Phi C, sinh ngày 19/7/2011 hiện nay đều đã trên 07 tuổi. Từ khi anh Q, chị N sống ly thân đến nay, 02 (hai) cháu K và C đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Bản trình bày của cháu K, cháu C đề cùng ngày 14/6/2024, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ (chị N) khi ba, mẹ ly hôn. Do đó, khi chị N và anh Q ly hôn cần phải giao 02 cháu K, C cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu K, C theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về nợ chung: Anh Q, chị N đều trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N không

yêu cầu giải quyết, bị đơn anh Q có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm nhà, đất và 200 cây tiêu. Tuy nhiên, anh Q không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, không đủ điều kiện để Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh Q trong vụ án này theo quy định của pháp luật. Anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn bằng một vụ án khác (nếu có căn cứ).

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Phi Q.

1.2. Về con chung: Khi ly hôn, giao 02 con chung tên là Nguyễn Phi Lê K, sinh ngày 14/6/2008 và Nguyễn Phi C, sinh ngày 19/7/2011 (*hiện nay đang sống cùng với chị N*) cho chị Lê Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q.

Anh Nguyễn Phi Q và chị Lê Thị N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh Q và chị N đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002554 ngày 21-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND thị trấn Ea Drăng,
huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn

-

